

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS - PT
Ngày: 04-8-2020
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Lại Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phượng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2020 /QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm: 1980.
Nơi cư trú: xóm 3 xã X, huyện X, tỉnh N. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị C , sinh năm: 1984. Có mặt.
Anh Ngô Văn H, sinh năm: 1980. Vắng mặt.
Nơi cư trú: xóm 10 xã X, huyện X, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Chị Ngô Thị C , Anh Ngô Văn H (là bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện; Bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn Chị Phan Thị N trình bày: Chị và Chị Ngô Thị C, Anh Ngô Văn H có quan hệ quen biết nhau. Trước đây vợ chồng chị C có nhờ chị vay hộ tiền vài lần, lần này vợ chồng chị C nói là cần tiền để đảo sổ ngân hàng và mua đất nên nhờ chị vay hộ số tiền là 423.840.000 đồng, hẹn 3-4 ngày sẽ trả. Chị đồng ý vay hộ và bảo lấy lãi 1.000đồng/1 triệu/ngày thì chị cũng lấy hộ vậy thôi. Khoảng 20 giờ ngày 19-12-2018, chị C và anh H sang nhà chị lấy tiền, chị C đếm tiền còn anh H trực tiếp ký giấy biên nhận tiền 423.840.000 đồng. Sau khoảng 4-5 ngày chị xuống đòi tiền để về trả cho người ta thì chị C khát lần hẹn mấy bữa làm xong sổ đỏ sẽ trả cho chị. Tuy nhiên đến nay anh H và chị C đã làm sổ đỏ mua đất xong, nhà cửa đàng hoàng nhưng không trả tiền gốc cũng như lãi cho chị. Chị yêu cầu anh H, chị C trả cho chị tiền gốc và lãi theo lãi suất 9%/năm tức 0,75%/tháng như lãi suất ngân hàng và phải chịu lãi đến khi thanh toán xong tiền cho chị. Chồng chị không biết gì về việc chị cho vay tiền này.

Bị đơn Chị Ngô Thị C, Anh Ngô Văn H trình bày: Do chị N là chỗ quen thân, trước đây có vài lần vay tiền hộ để chị cho người khác vay lại kiếm lời. Đầu tháng 12/2018, chị có gọi điện cho chị N nhờ vay tiền. Ngày 19-12-2018, chị N gọi chị vào nhận tiền nhưng do trời tối và chị đang bận nên bảo anh H là chồng vào nhà chị N lấy tiền cho chị. Anh H viết giấy biên nhận cho chị N là 423.840.000 đồng nhưng thực tế chị chỉ nhận 400.000.000 đồng còn 23.840.000 đồng do chị vay trước đó chưa trả lãi nên chị N cộng thêm vào. Lãi suất hai bên thoả thuận miệng là 2.000đồng/1 triệu/ngày và không thoả thuận thời hạn trả. Từ khi cho vay đến nay chị N nhiều lần xuống nhà đòi nợ nhưng chị cho người khác vay chưa lấy được nên vợ chồng chị chưa trả chị N gốc và lãi được. Chị đề nghị chị N cho chị xin tiền lãi còn tiền gốc 423.840.000 đồng chị sẽ trả dần. Nếu chị N không cho xin lãi thì Toà án giải quyết theo pháp luật. Tiền chị vay là của riêng chị N hay của vợ chồng chị N thì chị không biết, chị chỉ giao dịch vay tiền với chị N. Tại phiên toà sơ thẩm, cả anh H và chị C đều khẳng định đã trả khoản vay 400.000.000 đồng của ngày 15-11-2018 cùng với lãi rồi. Chị C khẳng định không còn nợ tiền chị N. Anh H cho rằng giấy nhận nợ 423.840.000 đồng ngày 19-12-2018 anh ký là do buổi tối hôm đó chị N kéo vào buồng ép ký chứ anh không biết gì.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Xuân Trường đã Quyết định:

Căn cứ: Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị N. Buộc Anh Ngô Văn H và Chị Ngô Thị C liên đới trả cho chị N số tiền 458.382.900 đồng (bao gồm 423.840.000 đồng tiền gốc và 34.542.900 đồng tiền lãi).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên biện pháp đảm bảo thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, Chị Ngô Thị C và Anh Ngô Văn H có kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm tuyên ngày 15-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường vì Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xem xét đánh giá vụ việc và xét xử không khách quan vô tư.

Tại phiên tòa:

- Chị Phan Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Cả hai vợ chồng chị N đến hỏi vay tiền để đảo sổ ngân hàng và mua đất, chị nói không có nên nhờ chị vay hộ, hẹn 3-4 ngày sẽ trả. Ngày 19-12-2018, chị C và anh H sang nhà chị lấy tiền, chị C đếm tiền còn anh H trực tiếp ký giấy biên nhận tiền. Do chị và chị C đã nhiều lần cho nhau vay mượn tiền nên chị tin tưởng không yêu cầu chị C ký mà chỉ để anh H ký vào giấy biên nhận vay tiền. Chị yêu cầu anh H, chị C phải trả cho chị tiền gốc đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật vì chị cũng đi vay của người khác hộ và cũng đã phải trả lãi từ khi vay đến nay.

- Chị Ngô Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Giữa chị với chị N quen biết nhau, đã nhiều lần chị vay tiền của chị N. Lần này chị vay tiền của chị N nhưng chị đã cho người khác vay lại, đến nay do họ bị vỡ nợ bỏ trốn nên chị chưa đòi được để trả cho chị N. Chị xin chị N nghĩ đến tình cảm chị em làm ăn đã lâu, chị cũng đã trả cho chị N tiền lãi của những lần vay trước rất nhiều rồi, chị xin trả nợ dần cho chị N mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngô Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của Anh Ngô Văn H.

Về nội dung: Có cơ sở khẳng định chị N có cho vợ chồng chị C, anh H vay tiền. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2019, giấy biên nhận vay tiền ngày 19/12/2018. Chị C đề nghị huỷ bản án sơ thẩm nhưng không có căn cứ cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N là có cơ sở, phù hợp với quy

định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Chị Ngô Thị C và Anh Ngô Văn H làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Anh Ngô Văn H có kháng cáo, Toà án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Anh Ngô Văn H.

[2] Xét kháng cáo của Chị Ngô Thị C đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm vì Toà án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xem xét đánh giá vụ việc và xét xử không khách quan vô tư. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo “Đơn đề nghị” đề ngày 04/11/2019 của Anh Ngô Văn H (BL 86), anh H đề nghị Toà án bỏ tư cách bị đơn đối với anh. Vì anh chỉ nhận hộ tiền cho vợ là Ngô Thị C chứ không phải là người trực tiếp vay tiền của chị Phan Thị N. Xét thấy, ngày 30/8/2019 Chị Phan Thị N có đơn khởi kiện với nội dung: Đề nghị Toà án nhân dân huyện Xuân Trường buộc vợ chồng anh H, chị C phải trả cho chị số tiền gốc đã vay và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng. Theo “Giấy vay tiền” ngày 19/12/2018 thể hiện người vay tiền là Ngô Văn H vay của ông Trần Văn K và bà Phan Thị N số tiền là 423.840.000 đồng (bốn trăm hai ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn); ở mục người vay ký tên là Ngô Văn H (BL 04). Do vậy, Toà án nhân dân huyện Xuân Trường đã thụ lý vụ án, xác định Chị Ngô Thị C và Anh Ngô Văn H là bị đơn trong vụ án là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 06/11/2019, Toà án nhân dân huyện Xuân Trường nhận được “Đơn phản tố” (BL 85) của Chị Ngô Thị C gửi đến theo đường công văn. Xét thấy: sau khi thụ lý vụ án, ngày 11/9/2019 Chị Ngô Thị C và Anh Ngô Văn H đã được nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án; Ngày 16/9/2019 Chị Ngô Thị C và Anh Ngô Văn H đã nộp cho Toà án Chứng minh nhân dân của anh H, căn cước công dân của chị C cùng sổ hộ khẩu gia đình. Ngày 16/9/2029, khi được Toà án giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì anh H và chị C đã ký nhận và cam đoan sẽ có mặt tại Toà án để tham gia phiên họp ngày 23/9/2019.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 23/9/2019 cả anh H và chị C đều có mặt nhưng không có yêu cầu, đề nghị gì và đã không ký biên bản. Tòa án mở phiên tòa xét xử theo trình tự sơ thẩm vào ngày 15/10/2019 nhưng cả anh H và chị C đều vắng mặt. Đến ngày 04/11/2019, Chị Ngô Thị C có gửi đến Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường “Đơn phản tố”. Như vậy, việc phản tố của chị C được thực hiện sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu phản tố và ra quyết định trả lại đơn phản tố cho chị C (BL 103) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Chị Ngô Thị C kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Không có căn cứ việc Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật hoặc chưa được thu thập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do vậy, không có căn cứ huỷ bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như kháng cáo của Chị Ngô Thị C .

[3] Xét thấy, tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 16/9/2019 (BL 24) chị C có trình bày: Thi thoảng chị có nhờ chị N vay hộ tiền để chị cho người khác vay lại nhằm hưởng chút hoa hồng. Ngày 19/12/2018 đương lịch, chị N gọi điện cho chị vào nhận tiền, do chị sợ tới đi lại không an toàn hơn nữa hôm đó bận nên chị nói chồng là anh H vào nhà chị N nhận tiền. Anh H có trực tiếp viết giấy biên nhận vay chị N số tiền là 423.840.000đồng, thực tế anh H chỉ nhận được số tiền là 400.000.000 đồng còn lại số tiền 23.840.000 đồng là do chị vay chị N trước đó chưa trả lãi nên số tiền lãi chị N cộng vào khoản vay mới này. Từ khi cho vay đến nay chị N đã nhiều lần xuống nhà vợ chồng chị đòi nợ tiền gốc và lãi ở trên nhưng vợ chồng chị vay chị N về để cho người khác vay lại do họ chưa trả nên vợ chồng chị cũng chưa trả cho chị N đồng gốc, đồng lãi nào. Nay quan điểm của vợ chồng chị: Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng chị xin chị N tiền lãi 26.490.000 đồng, vợ chồng chị nhận trách nhiệm trả chị N số tiền gốc theo như giấy biên nhận ngày 19/12/2018 là 423.840.000 đồng và chị xin trả dần nếu chị N không cho chị xin tiền lãi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh H nhất trí như ý kiến của chị C và không bổ sung gì thêm. Anh H, chị C cũng đã được tự đọc biên bản và ký tên vào biên bản.

Tại “Đơn phản tố” đề ngày 04/11/2019 của Chị Ngô Thị C gửi đến Tòa án (BL 85) cũng thể hiện: Ngày 28/9/2019, Chị Phan Thị N khởi kiện yêu cầu chị trả lại số tiền đã vay của chị N là 423.840.000 đồng ngày 19/12/2018 cùng với lãi suất theo lãi suất của ngân hàng. Tuy nhiên, trước khoản vay trên thì chị và

chị N vẫn luôn có quan hệ vay trả thường xuyên. Chị C cũng dẫn chứng cụ thể là từ ngày 29/6/2017 đến ngày 22/11/2018 chị có vay của chị N trong vòng 17 tháng với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn) có giấy vay nợ kèm theo. Cũng theo chị C thì chị C đã trả cho chị N cả gốc và lãi trong 17 tháng là 2.777.500.000 đồng, với mức lãi suất mà chị N đã cho chị vay 2.000đồng/triệu/ngày là quá cao so với quy định của pháp luật. Với lãi suất theo quy định thì chị đã trả cho chị N số tiền là 493.166.667 đồng. *“Mặc dù đến ngày 19/12/2018 tôi tiếp tục vay của chị N là 423.840.000 đồng nhưng với khoản tiền đã trả quá trên thì phải được bù trừ vào khoản vay này của tôi”*. Chị đề nghị xem xét giải quyết phần vay nợ giữa chị và chị N trước lần vay ngày 19/12/2018, yêu cầu tính số tiền chị đã trả trước còn thừa (theo lãi suất quy định) trừ đi tiền nợ ngày 19/12/2018 để đảm quyền lợi cho chị.

Tại “Đơn đề nghị” đề ngày 04/11/2019, Anh Ngô Văn H cũng thể hiện quan điểm: Từ trước đến nay giữa chị N với vợ anh là Ngô Thị C vẫn có mối quan hệ vay mượn qua lại nhưng anh không quan tâm, không tham gia vào việc vay mượn. Giấy vay nợ ngày 19/12/2018 anh ký và nhận tiền là do hôm đó chị N gọi vợ anh vào buổi tối, Cúc sợ tối đi lại không an toàn hơn nữa vợ anh bận nên vợ anh bảo anh vào nhà chị N lấy tiền

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Ngô Thị C cũng có quan điểm trình bày: Chị đã nhiều lần vay tiền của chị N, lần này chị vay tiền của chị N nhưng chị đã cho người khác vay lại, đến nay do họ bị vỡ nợ bỏ trốn nên chị chưa đòi được để trả cho chị N. Chị xin chị N nghĩ đến tình cảm chị em làm ăn đã lâu, chị xin trả nợ dần cho chị N mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị Phan Thị N không chấp nhận đề nghị của chị C và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Phan Thị N cho rằng chị với chị C và anh H có quan hệ quen biết nhau, trước đây chị C có nhờ chị vay hộ tiền vài lần, lần này vợ chồng chị C đến nói là cần tiền để đảo sổ ngân hàng và mua đất nên nhờ chị vay hộ số tiền là 423.840.000 đồng, hẹn 3-4 ngày sẽ trả nên chị đồng ý vay hộ. Ngày 19/12/2018, chị C và anh H sang nhà chị lấy tiền, chị C đếm tiền còn anh H trực tiếp ký giấy biên nhận tiền 423.840.000 đồng. Do tin tưởng chị với chị C đã nhiều lần cho nhau vay mượn tiền, lần này cả anh H và chị C đến nhờ chị vay hộ để đảo sổ ngân hàng nên chị yêu cầu anh H viết và ký vào giấy vay tiền mà không cần chị C ký.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị N, buộc Anh Ngô Văn H và Chị Ngô Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền 458.382.900 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) là hoàn toàn có căn cứ.

Như vậy, Chị Ngô Thị C có kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Không có căn

cứ về việc chị N cho chị C vay tiền và đã tính lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày. Không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị N cho chị C vay tiền và đã cộng cả khoản tiền lãi vào với gốc vay. Do vậy, kháng cáo của Chị Ngô Thị C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với các khoản vay khác giữa Chị Ngô Thị C với Chị Phan Thị N mà chị C cho rằng chị đã phải trả lãi cao cho chị N, nếu chị C có yêu cầu và có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của Anh Ngô Văn H.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị N. Buộc Anh Ngô Văn H và Chị Ngô Thị C phải liên đới trả cho Chị Phan Thị N tổng số tiền là 458.382.900 đồng (bao gồm 423.840.000 đồng tiền gốc và 34.542.900 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn H và Chị Ngô Thị C phải nộp 22.335.000 đồng án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Chị Phan Thị N số tiền 10.500.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001624 ngày 09-9-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Văn H và Chị Ngô Thị C mỗi người phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001651 và 0001653 ngày 28-11-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị C và anh H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS h. Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng

